

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VINAFAST**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VINAFAST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINAFAST CONSTRUCTION AND DESIGN CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNF CDC., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107590993

**3. Ngày thành lập:** 07/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 9, Tòa nhà Việt Á, Số 9 , phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [Vinafast.Jsc@gmail.com](mailto:Vinafast.Jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                           | 1323     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. | 4663     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4752     |
| 4.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm; Phát triển phần mềm ứng dụng                                                    | 5820     |
| 5.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                     | 3100     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                             | 4100     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                         | 4210     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                      | 4220     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                        | 4290     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                            | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                 | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                             | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                   | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                    | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                    | 4330     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                               | 4390     |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                  | 4932     |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                    | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 21. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: - Tổ chức các buổi trình diễn tác phẩm nghệ thuật<br>- Hoạt động của các nhà sản xuất, các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9000        |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát xây dựng<br>- Hoạt động đo đạc bản đồ<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>- Tư vấn công trình dân dụng<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng, Tư vấn quản lý dự án, Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng, Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng hạng 2<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, Lập dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng, lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, Thiết kế kiến trúc quy hoạch, cảnh quan, trang trí; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, Thiết kế công trình đường bộ, Thiết kế cấp thoát nước, san nền tiêu thủy, Thiết kế địa đối với các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp | 7110(Chính) |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7490        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8110        |
| 27. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8121        |
| 28. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8129        |
| 29. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8130        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LÊ VI     | B31, Khu Tập thể Ấc Quy, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 031515411                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG TRUNG DŨNG     | Số117 Phan Bội Châu, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    | 172016711                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THỊ THÚY THÀNH | Số117 Phan Bội Châu, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 71856993                                                                                    |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG TRUNG DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/09/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *172016711*

Ngày cấp: *12/01/2012*

Nơi cấp: *CA Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 117 Phan Bội Châu, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P.203, CT8C, KĐT The Sparks Dương Nội, Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*